

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2020/HS-ST

Ngày: 27 - 11 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Nhàn

Bà Phan Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 11/11/2020, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Đức C, sinh ngày 23/9/1991; tại Thái Bình; Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: Số nhà 17, đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; hiện ông, bà làm ruộng tại Thôn Đ, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình. Gia đình có 02 chị em ruột, C là con thứ 2 trong gia đình; vợ: Bùi Thị P, sinh năm 1998; nghề nghiệp: Nội trợ; trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình; có 01 người con sinh năm 2020.

Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 thì ở nhà lao động tự do. Tháng 9/2013 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ tư lệnh Quân khu 3, Bộ Quốc Phòng. Đến ngày 22/6/2015, xuất ngũ trở về địa phương lao động tự do. Từ tháng 7/2019 vào tạm trú ở số 17 đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình hoạt động cho vay lãi nặng đến ngày 18/7/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới phát hiện ra lệnh giữ người trong

trường hợp khẩn cấp và quyết định tạm giữ. Ngày 21/7/2020, bị Công an phường H, thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 27/7/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L; Sinh ngày 08/9/1961; HKTT: Ngõ số 50, đường H, Tổ dân phố 3, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị L; Sinh ngày 19/5/1962; HKTT: Tổ dân phố 4, phường H, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Thanh; Sinh ngày 28/4/1983; HKTT: Tổ dân phố 14, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị H; Sinh ngày 02/3/1960; HKTT: Ngõ số 50 đường H, Tổ dân phố 3, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Minh N; Sinh ngày 12/9/1963; HKTT: Tổ dân phố 7, phường H, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

6. Chị Lê Thị H; Sinh ngày 09/8/1974; HKTT: Thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

7. Chị Lê Thị L; Sinh ngày 02/8/1990; HKTT: Ngõ 105 đường N, thôn D, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị H; Sinh ngày 14/9/1972; Tạm trú: Số 207 đường P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

9. Chị Võ Thị Nguyệt N; Sinh ngày 11/11/1983; HKTT: Thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

10. Chị Dương Thị T; Sinh ngày 03/01/1982; HKTT: Tổ dân phố 14, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

11. Anh Trần Viết T; Sinh ngày 15/01/1974; HKTT: Tổ dân phố 7, phường P, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

12. Chị Trương Thị T; Sinh ngày 05/10/1987; Tạm trú: tại Số 07 đường S, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

13. Chị Nguyễn Thị T; Sinh ngày 17/9/1971; HKTT: Tổ dân phố 10, phường P, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7/2019, Nguyễn Đức C từ huyện P, tỉnh Thái Bình vào tạm trú số nhà 17 đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để hoạt động cho vay lãi nặng. Để phục vụ cho hoạt động này, C in tờ rơi với nội dung “Cho vay trả góp” kèm số điện thoại, rồi phát tán các tờ rơi cho vay phát tán tại các chợ Đ, chợ N, chợ B trên địa bàn thành phố Đ nhằm thu hút người đến vay nợ. Khi có người vay tiền thì C đến nhà người vay tiền để làm thủ tục cho vay tín chấp. Để quản lý hoạt động cho vay lãi nặng, C mua tài khoản ứng dụng Mecash qua mạng với giá 03 triệu để quản lý các gói vay của người vay. Quá trình trích xuất tài khoản Mecash trong điện thoại IPHONE 6S PLUS của Nguyễn Đức C xác định C cho 29 người vay với 37 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 496.500.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định được, từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 Nguyễn Đức C cho 13 người vay với tổng số tiền 235.000.000 đồng và tổng số tiền C thu lợi bất chính trong hoạt động cho vay lãi nặng là 35.592.620 đồng, cụ thể:

1. Cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, tạm trú tại số 207 P, phường N, thành phố Đ vay 02 lần:

- Lần thứ 1: Ngày 15/5/2020 chị H vay của Nguyễn Đức C số tiền 50.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng cả gốc và lãi, chị H đã trả được 31 ngày với tổng số tiền 62.000.000 đồng, lệ phí vay 1000.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 13.000.000 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 849.400 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 12.150.600 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

- Lần thứ 2: Ngày 01/7/2020 chị H vay của Nguyễn Đức C số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 1.200.000 đồng cả gốc và lãi, chị H đã trả được 14 ngày với tổng số tiền 16.800.000 đồng, lệ phí vay 1.000.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 4.251.613 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 230.160 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 4.021.453 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

2. Cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, trú tại TDP 10, phường P, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 26/5/2020 chị T vay của Nguyễn Đức C số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, chị T đã trả được 10 ngày với tổng số tiền 4.400.000 đồng, lệ phí vay 400.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.400.000 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 54.800 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.345.200

đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

3. Cho chị Trương Thị T, sinh năm 1987, tạm trú tại số 07 Võ Thị S, phường N, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 07/6/2020 chị T vay của Nguyễn Đức C số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, chị T đã trả được 16 ngày với tổng số tiền 6.400.000 đồng, lệ phí vay 400.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.638.710 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 87.680 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.551.030 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

4. Cho chị Dương Thị T, sinh năm 1982, trú tại TDP 14, phường N, thành phố Đ vay 02 lần:

- Lần thứ 1: Ngày 11/6/2020 chị T vay của Nguyễn Đức C số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả gốc và lãi, chị T đã trả được 10 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lệ phí vay 400.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.561.290 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 82.200 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.479.090 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

- Lần thứ 2: Ngày 18/6/2020 chị T vay của Nguyễn Đức C số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, chị T đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 1.200.000 đồng, lệ phí vay 400.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 632.258 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 16.440 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 615.818 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

5. Cho anh Trần Việt T, sinh năm 1974, trú tại TDP 7, phường P, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 18/6/2020 anh T vay của Nguyễn Đức C số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, anh T đã trả được 15 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lệ phí vay 400.000 đồng. Tiền thu lợi của Chiến là 1.561.290 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 82.200 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.479.090 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

6. Cho chị Võ Thị Nguyệt N, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã B, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 24/6/2020 chị N vay của Nguyễn Đức C số tiền 7.500.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, chị N đã trả được 21 ngày với tổng số tiền 6.300.000 đồng, lệ phí vay 300.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.519.355 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 86.310 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.433.045 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

7. Cho chị Phạm Minh N, sinh năm 1963, trú tại TDP 7, phường H, thành phố Đ vay 02 lần:

- Lần thứ 1: Ngày 02/7/2020 chị N vay của Nguyễn Đức C số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, chị N đã trả được 13 ngày với tổng số tiền 5.200.000 đồng, lệ phí vay 350.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.356.452 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 71.240 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.285.212 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

- Lần thứ 2: Ngày 05/7/2020 chị Nguyệt vay của Nguyễn Đức C số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả gốc và lãi, chị N đã trả được 10 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng, lệ phí vay 350.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.511.290 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 82.200 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.429.090 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

8. Cho chị Trần Thị L, sinh năm 1962, trú tại TDP 4, phường H, thành phố Đ vay 02 lần:

- Lần thứ 1: Ngày 03/7/2020 chị L vay của Nguyễn Đức C số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, chị L đã trả được 31 ngày với tổng số tiền 6.200.000 đồng, lệ phí vay 250.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.450.000 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 84.940 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.365.060 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

- Lần thứ 2: Ngày 12/7/2020 chị Lê vay của Nguyễn Đức C số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, chị L đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 600.000 đồng, lệ phí vay 250.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 366.129 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 8.220 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 357.909 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

9. Cho chị Lê Thị L, sinh năm 1990, trú tại ngõ 105 N, thôn D, xã B, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 03/7/2020 chị Loan vay của Nguyễn Đức C số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 750.000 đồng cả gốc và lãi, chị L đã trả được 13 ngày với tổng số tiền 9.750.000 đồng, lệ phí vay 750.000 đồng. Tiền thu lợi của Chiến là 2.700.000 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 106.860 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 2.593.140 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

10. Cho chị Lê Thị H, sinh năm 1974, trú tại thôn T, xã B, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 05/7/2020 chị Hậu vay của Nguyễn Đức C số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 750.000 đồng cả gốc và lãi, chị H đã trả được 11 ngày với tổng số tiền 8.250.000 đồng, lệ phí vay 750.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 2.400.000 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 90.420 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 2.309.580 đồng, lãi suất cho vay là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

11. Cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, trú tại Ngõ số 50 H thuộc TDP 3, phường H, thành phố Đ vay 02 lần:

- Lần thứ 1: Ngày 08/7/2020 chị Lý vay của Nguyễn Đức C số tiền 2.500.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng cả gốc và lãi, chị L đã trả được 08 ngày với tổng số tiền 800.000 đồng, lệ phí vay 100.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 254.839 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 10.960 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 243.879 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

- Lần thứ 2: Ngày 13/7/2020 chị L vay của Nguyễn Đức C số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, chị L đã trả được 03 ngày với tổng số tiền 600.000 đồng, lệ phí vay 250.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 366.129 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 8.220 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 357.909 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

12. Cho chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983, trú tại TDP 14, phường N, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 11/7/2020 chị T vay của Nguyễn Đức C số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng cả gốc và lãi,

chị T đã trả được 04 ngày với tổng số tiền 2.400.000 đồng, lệ phí vay 750.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 1.214.516 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 32.880 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 1.181.636 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

13. Cho chị Trần Thị H, sinh năm 1960, trú tại TDP 3, phường H, thành phố Đ vay 01 lần:

Ngày 11/7/2020 chị H vay của Nguyễn Đức C số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, chị H đã trả được 04 ngày với tổng số tiền 800.000 đồng, lệ phí vay 250.000 đồng. Tiền thu lợi của C là 404.839 đồng cả gốc và lãi. Số tiền C được hưởng 20% theo quy định là 10.960 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của C là 393.879 đồng, lãi suất cho vay là 282,6%/năm, gấp 14,1 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 72/VKSĐH-KT, ngày 13 tháng 10 năm 2020; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã truy tố Nguyễn Đức C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới giữ quyền công tố đã phát biểu lời luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi áp dụng hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 09 ngày tạm giữ.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, xác định C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

* Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt tiền bị cáo Nguyễn Đức C từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải nộp lại số tiền 122.457.380 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền những người vay chưa thanh toán cho bị cáo đây là số tiền dùng vào việc phạm tội. Vì vậy buộc những người vay phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước cụ thể:

Buộc Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 13.200.000 đồng, Nguyễn Thị T 5.600.000 đồng, Trương Thị T 3.600.000 đồng, Dương Thị T 17.800.000 đồng, Trần Viết T 4.000.000 đồng, Võ Thị Nguyệt N 1.200.000 đồng, Phạm Minh N 13.800.000 đồng, Trần Thị L 5.250.000 đồng, Lê Thị L 6.750.000 đồng, Lê Thị H 5.250.000 đồng, Nguyễn Thị L 6.100.000 đồng, Hoàng Thị Thanh 12.600.000 đồng, Trần Thị H 4.200.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo C phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền 35.592.620 đồng lãi vượt qua mức quy định do phạm tội mà có. Cụ thể: chị Nguyễn Thị H: 16.172.053 đồng; chị Nguyễn Thị T: 1.345.200 đồng; chị Trương Thị T: 1.551.030 đồng; chị Dương Thị T: 2.094.908 đồng; anh Trần Viết T: 1.479.090 đồng; chị Võ Thị Nguyệt N: 1.433.045 đồng; chị Phạm Minh N: 2.714.302 đồng; chị Trần Thị L: 1.722.969 đồng; chị Lê Thị L: 2.593.140 đồng, chị Lê Thị H: 2.309.580 đồng, chị Nguyễn Thị L: 601.788 đồng, chị Hoàng Thị T 1.181.636 đồng, Trần Thị H 393.879 đồng.

* Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Tòa áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động IPHONE 6S PLUS màu hồng, số IMEI: 35332907725873, sử dụng sim số 0985652391; 01 điện thoại di động NOKIA 106 màu đen, số IMEI 1: 352882100926810, số IMEI 2: 352882101926819, sử dụng sim số 0855498219 Hai điện thoại này C dùng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng.

* Về án phí:

Đề nghị Tòa áp dụng án phí hình sự, án phí dân sự theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội theo đúng quy định.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử cho được cải tạo không giam giữ tại địa phương để có điều kiện vừa cải tạo vừa lao động chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Hới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đồng Hới, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức C khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cáo trạng. Lời khai tại phiên tòa, phù hợp lời khai của bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 8/2019 đến tháng 7/2020, Nguyễn Đức C cho vay lãi nặng 13 người là các chị Nguyễn Thị L, Trần Thị L, Hoàng Thị T, Trần Thị H, Phạm Minh N, Lê Thị H, Lê Thị L, Nguyễn Thị H, Võ Thị Nguyệt N, Dương Thị T, Trương Thị T, Nguyễn Thị T và anh Trần Viết T vay tổng số tiền 235.000.000 đồng với lãi suất thấp nhất là 282,6%/năm, cao nhất là 365%/năm. Vượt gấp 14,1 đến 18,25 lần quy định tại Bộ luật dân sự, Nguyễn Đức C thu lợi bất chính là 35.592.620 đồng.

Nguyễn Đức C đã cho vay tổng cộng số tiền 235.000.000 đồng và đã thu được 158.050.000 đồng, trong đó tổng tiền gốc và lãi đã thu 37.588.710 đồng trong đó tiền lãi được phép đã thu 1.996.090 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.592.620 đồng. Hành vi cho vay của C với mức lãi suất gấp 5 lần trở lên mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thu lợi bất chính 35.592.620 đồng.

Vì vậy, Nguyễn Đức C phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức C là đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại

điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, Hình phạt của bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015, phạt tiền từ 30.000.000đ đến 100.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, nên HĐXX áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng mức án Cải tạo không giam giữ cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Khi áp dụng hình phạt trừ thời gian tạm giữ tạm giam đối với bị cáo. Về khấu trừ thu nhập bị cáo hiện nay không có công việc ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 235.000.000đ là tổng số tiền C cho vay, hiện nay C đã thu được của 13 người trên với số tiền 158.050.000 đồng, nhưng trừ đi số tiền lãi thu lợi bất chính là 35.592.620 đồng, còn lại 122.457.380 đồng đây là khoản tiền gốc và tiền lãi suất 20%. Khoản tiền gốc và tiền lãi suất 20% xác định là công cụ phương tiện phạm tội, do đó buộc Nguyễn Đức C phải nộp lại số tiền 122.457.380 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về số tiền những người vay chưa thanh toán cho bị cáo đây là số tiền dùng vào việc phạm tội. Vì vậy buộc những người vay phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước cụ thể:

- Buộc Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 13.200.000 đồng, Nguyễn Thị T 5.600.000 đồng, Trương Thị T 3.600.000 đồng, Dương Thị T 17.800.000 đồng, Trần Viết T 4.000.000 đồng, Võ Thị Nguyệt N 1.200.000 đồng, Phạm Minh N 13.800.000 đồng, Trần Thị L 5.250.000 đồng, Lê Thị L 6.750.000 đồng, Lê Thị H 5.250.000 đồng, Nguyễn Thị L 6.100.000 đồng, Hoàng Thị T 12.600.000 đồng, Trần Thị H 4.200.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền 35.592.620 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay, khoản tiền này người vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên được trả lại cho người vay. Vì vậy buộc C phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền 35.592.620 đồng, đây là tiền lãi vượt quá mức quy định do phạm tội mà có. Cụ thể: chị Nguyễn Thị H: 16.172.053 đồng; chị Nguyễn Thị T: 1.345.200 đồng; chị Trương Thị T: 1.551.030 đồng; chị Dương Thị T: 2.094.908 đồng; anh Trần Viết T: 1.479.090 đồng; chị Võ Thị Nguyệt N: 1.433.045 đồng; chị Phạm Minh N: 2.714.302 đồng; chị Trần Thị L: 1.722.969 đồng; chị Lê Thị L: 2.593.140 đồng, chị Lê Thị H: 2.309.580 đồng, chị Nguyễn Thị L: 601.788 đồng, chị Hoàng Thị T 1.181.636 đồng, Trần Thị H 393.879 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

01 điện thoại IPHONE 6S PLUS màu hồng số IMEI: 35332907725873, sử dụng sim số 0985652391; 01 điện thoại di động NOKIA106 màu đen, số IMEI 1: 352882100926810, số IMEI 2: 352882101926819, sử dụng sim số 0855498219; Hai điện thoại này C dùng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm là $35.592.620 \text{ đồng} \times 5\% = 1.779.631 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà nước.

[8] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ tạm giam 09 ngày từ 18/7/2020 đến 27/7/2020. Thời gian còn lại buộc Nguyễn Đức C phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo C cho UBND xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ, tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về khấu trừ thu nhập hiện nay bị cáo Nguyễn Đức C không có công việc ổn định nên không khấu trừ thu nhập.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức C 30.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc Nguyễn Đức C phải nộp lại số tiền 122.457.380 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Thị H phải nộp lại số tiền 13.200.000 đồng, Nguyễn Thị T 5.600.000 đồng, Trương Thị T 3.600.000 đồng, Dương Thị T 17.800.000 đồng, Trần Viết T 4.000.000 đồng, Võ Thị Nguyệt N 1.200.000 đồng, Phạm Minh N 13.800.000 đồng, Trần Thị L 5.250.000 đồng, Lê Thị L 6.750.000 đồng, Lê Thị H 5.250.000 đồng, Nguyễn Thị L 6.100.000 đồng, Hoàng Thị T 12.600.000 đồng, Trần Thị H 4.200.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc C phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền 35.592.620 đồng là số tiền lãi vượt quá mức quy định do phạm tội mà có. Cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị H: 16.172.053 đồng.
2. Chị Nguyễn Thị T: 1.345.200 đồng.
3. Chị Trương Thị T: 1.551.030 đồng.
4. Chị Dương Thị T: 2.094.908 đồng.
5. Anh Trần Viết T: 1.479.090 đồng.
6. Chị Võ Thị Nguyệt N: 1.433.045 đồng.
7. Chị Phạm Minh N: 2.714.302 đồng.
8. Chị Trần Thị L: 1.722.969 đồng.
9. Chị Lê Thị L: 2.593.140 đồng.
10. Chị Lê Thị H: 2.309.580 đồng.
11. Chị Nguyễn Thị L: 601.788 đồng.
12. Chị Hoàng Thị T 1.181.636 đồng.
13. Trần Thị H 393.879 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

01 điện thoại IPHONE 6S PLUS màu hồng số IMEI: 35332907725873, sử dụng sim số 0985652391; 01 điện thoại di động NOKIA 106 màu đen, số IMEI 1: 352882100926810, số IMEI 2: 352882101926819, sử dụng sim số 0855498219.

Tất cả các vật chứng trên có đặc điểm, số lượng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 26/11/2020.

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử buộc Nguyễn Đức C phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 1.779.631 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- VKSND tỉnh Quảng Bình.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- THA dân sự thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ